**KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TOÁN 6**

**NĂM HỌC 2021-2022**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên chương** | **Tên bài** | **PPCT** | **Số tiết** |
| **HỌC KỲ I** |
| **Chương IV. Một số hình phẳng trong thực tiễn**(12 tiết) | Bài 18. Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều | 43,44,45 | 3 |
| Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân | 46,47,48 | 3 |
| Bài 20. Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học | 49,50,51 | 3 |
| Luyện tập chung | 52,53 | 2 |
| Bài tập cuối chương IV (thiếu) | 54 | 1 |

Ngày soạn: .../... /...

Ngày dạy: .../.../... **CHƯƠNG IV.**

 **MỘT SỐ HÌNH HỌC PHẲNG TRONG THỰC TIỄN**

**Tiết 43,44,45 §18.HÌNH TAM GIÁC ĐỀU.HÌNH VUÔNG.**

**HÌNH LỤC GIÁC ĐỀU**

**I. MỤCTIÊU**

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS

**-** Nhận dạng các hình trong bài.

**-** Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều ( cạnh, góc, đường chéo).

**2. Năng lực**

**-Năng lực riêng:**

**+** Vẽ được hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.

+ Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp toán học tự học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất:**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS để HS độc lập, tự tin và tự chủ.

# II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **GV:** SGK, tai liệu giảng dạy, giáo án ppt

+ Nghiên cứukĩ bài học và phương pháp dạy học phù hợp.

+ Chuẩn bị một số vật liệu phục vụ hoạt động trải nghiệm: Giấy A4, kéo cắt giấy, tranh ảnh trong bài…

+ Sưu tầm các hình ảnh thực tế, video minh họa liên quan đến bài học, các thiết bị dạy học phục vụ hình thành va phát triển năng lực HS.

1. **HS**: + Đồ dùng học tập: bút, bộ êke ( thước thẳng, thước đo góc, êke), bút chì, tẩy…

+ Giấy A4, kéo.

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

 **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

***a)Mục tiêu:***

+ Giới thiệu khái quát vị trí, vai trò của chương IV ( HS bước đầu hình thành và phát triển một số năng lực Toán học, cảm thấy thú vị, hào hứng khi trả lơi câu hỏi

“ học Toán để làm gì?”).

+ Tạo tình huống vào bài học từ hinh nhr thực tế, ứng dụng thực tế từ các hình trong bài.

***b) Nội dung:*** HS chú ý lắng nghe và quan sát hình ảnh trên màn chiếu và tranh ảnh.

***c) Sản phẩm:*** HS nhận dạng dược một số hình và tim được ccs hình ảnh trong thực tế liên quan đến hình đó.

***d) Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
|  **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** |  **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ+GV giới thiệu qua nội dung sẽ học trong chương IV:Chương IV là một chương mới hoàn toàn so với SGK trước đây. Chúng ta sẽ tìm hiểu qua bài học và các tiết luyện tập, ôn tập chương. Qua chương này, các em sẽ:* Nhận dạng va mô tả được một số yếu tố cơ bản của các hình phẳng quen thuộc như hình chữ nhật, hình vuông, hình bình hành,…
* Vẽ được một số hình phẳng bằng các dụng cụ học tập.
* Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tinhd chu vi, diện this của 1 hình phẳng đã học.

+ GV chiếu hình ảnh video về các ứng dụng thực tế của các hình trong bài “Nền nhà”, “ Các bức tường ốp bằng gạch có hình tam giác đều, hình lục giác đều, hình vuông” và giới thiệu.  |  |
| **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS quan sát và chú ý lắng nghe.**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**HS trao đổi, thảo luận tìm được một số hình ảnh trong thực tế liên quan đến các hình .**- Bước 4: Kết luận, nhận định**GV đặt vấn đề và dẫn dắt HS vào bài học mới: “ Hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác đều, hình thoi,..là các hinh phẳng quen thuộc trong thực tế. Chúng ta sẽ cùng nhau tim hiểu các đặc điểm cơ bản trong các hình” Bài mới. |  |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

 **Hoạt động 1: Hình tam giác đều**

1. ***Mục tiêu:***

+ HS nhận biết được tam giác đều.

+ HS mô tả được đỉnh, cạnh, góc của tam giác đều.

+ HS nhận biết được sự bằng nhau của các góc, các cạnh của tam giác đều.

+ HS biết vẽ tam giác đều với độ dài cạnh cho trước.

***b) Nội dung:*** HS quan sát hinh ảnh trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiên thức theo yêu câu của giáo viên.

***c) Sản phẩm:***

+ HS nắm vũng kiến thức và hoàn thành được phần *Thực hành.*

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
|  **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** |  **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**GV hướng dẫn và cho HS thực hiện lân lượt các hoạt động : HĐ1, HĐ2, như trong SGK+ **HĐ1:*** *Nhận diện tam giác đều ( H 4.1-sgk).*
* *Tìm một số hình ảnh tam giác đều trong thực tế.* ( GV gợi ý HS tim những đồ dung quen thuộc trong đời sống hàng ngày. Sau khi HS nêu vd của mình, GV tổng hợp và chiếu các hình ảnh tam giác đều trong thực tế)

**+ HĐ2:** Cho tam giác đều ABC như hình 4.2: 1. *Gọi tên các đỉnh, cạnh, góc của tam giác đều ABC.*
2. *Dùng thước thẳng để đo và so ánh các cạnh của tam giác ABC.*
3. *Dùng thước đo góc để đo và so ánh các góc của tam giác ABC.*

( GV lưu ý HS cách đo góc, đo độ dài cạnh)+ GV cho HS rút ra nx về độ dài 3 cạnh, độ lớn 3 góc của tam giác đều.+ GV hướng dẫn HS cách vẽ theo các bước đã hướng dẫn phần ***Thực hành 1***  và sau đó cho HS thưc hành vẽ tam giác đều. (GV lưu ý HS thực hành vẽ và kiểm tra lại sau khi vẽ)+ GV trinh chiếu ppt hướng dẫn HS cách vẽ tam giác đều trên man chiếu theo các bước đã hướng dẫn cho HS để hình dung và biết cách vẽ.+ GV có thể mở rộng giới thiệu thêm cách vẽ bằng thước kẻ hoặc compa.**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**+ HS quan sát SGK và trả lời theo yêu cầu của GV.+ GV quan sát và trợ giúp HS.**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**+ HS lắng nghe, ghi chú, nêu vd, phát biểu.+ Các nhóm nx, bổ sung cho nhau.**- Bước 4: Kết luận, nhận định**GV nx, đánh giá quá trình học của HS, tổng quát lại các đặc điểm của tam giác đều, cách vẽ tam giác đều và cho HS nêu lại các bước vẽ một tam giác đều. | **1.Hình tam giác đều****+ HĐ1**:* Hình b) là hình tam giác đều.
* Một số hình ảnh tam giác đều trong thực tế: biển báo nguy hiểm, khay tam giác xếp bóng bi-a, Rubic tam giác,...

+ **HĐ2:*** Các đỉnh: A, B, C

Các cạnh: AB, BC, CACác góc: góc A, góc B, góc C.* Các cạnh của tam giác ABC bằng nhau.
* Các góc của tam giác ABC bằng nhau và bằng .

***Nhận xét***: Trong tam giác đều:* Ba cạnh bằng nhau.
* Ba góc bằng nhau và bằng

***Thực hành 1:***1. *Vẽ tam giác đều ABC cạnh 3cm*

+ B1: Vẽ đoạn thẳng  AB =3cm + B2: Dùng êke có góc 60+ B3: Vẽ = 60.Ta thấy Ax va By cắt nhau tại C ta được **tam giác đều ABC**( HS tự hoành thanh sp vào vở)1. *Kiểm tra độ dài các canhj và số đo các góc có bằng nhau không.*
 |

 **Hoạt động 2: Hình vuông**

1. ***Mục tiêu:***

+ Nhận biết hinh vuông trong thực tế. Mô tả được đỉnh, cạnh, góc, đường chéo của hình uông.

+ HS vẽ được hình vuông có độ dai cạnh cho trước.

+ HS gấp và cắt được hình vuông từ một tờ giấy hình chữ nhật.

***b) Nội dung hoạt động:*** HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu.

***c) Sản phẩm:*** HS nắm vững kiễn thức và hoàn thành được phần *Thực hành*

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
|  **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** |  **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**GV hướng dẫn và cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động : **HĐ3, HĐ4.****HĐ3:** *Tìm một số hình ảnh hình vuông trong thực tế***HĐ4:** Quan sát H4.3a*1.Nêu tên các đỉnh, cạnh, đường chéo của hình vuông ABCD.**2.Dùng thước đo và so sánh độ dài các cạnh của hình vuông, hai đường chéo của hình vuông.**3.Dùng thước đo góc để đo và so sánh các góc của hình vuông.*( GV lưu ý HS cách đo góc, đo độ dài cạnh của hình vuông).+ GV hướng dẫn cho HS các bước vẽ hình vuông theo các bước ở phần ***Thực hành 2*** và cho HS thực hành vẽ hình vuông ( GV lưu ý HS thực hanh vẽ và cho HS kiểm tra chéo sau khi vẽ, xem các cạnh, các góc có bằng nhau không).+ GV trình chiếu ppt hướng dẫn HS cách vẽ hình vuông trên màn chiếu theo các bước đã hướng dẫn cho HS để hình dung và biết cách vẽ.+ GV cho hs gấp giấy và cắt hình vuông theo hướng dẫn. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**+ HS hoạt động cá nhân hoàn thành các yêu cầu của giáo viên.+ GV quan sát, giảng, phân tích, lưu ý va trợ giúp nếu cần.**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**+ HS chú ý lắng nghe, hoàn thành các yêu càu, giơ tay phát biểu.+ GV kiểm tra, chữa và nêu kết quả.**- Bước 4: Kết luận, nhận định**GV nx, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức. | **2.Hình vuông****+HĐ3:**Một số hinh ảnh của hình vuông trong thực tế: Bánh trưng, gạch lát nền, bánh sinh nhật, khối rubic vuông, ngăn đựng sách, các ô cửa, xúc xắc, ô trên bàn cờ vua,...**+HĐ4:**1.Các đỉnh: A, B, C, D Các cạnh: AB, BC, CD, DA. Các đường chéo: AC, BD.2.Độ dài các cạnh hình vuông đều bằng nhau.3.Các góc của hình vuông đều bằng nhau và bằng 90 ***\* Nhận xét:*** Trong hình vuông:- Bốn cạnh bằng nhau- Bốn góc bằng nhau và bằng 90 - Hai đường chéo bằng nhau.***\* Thực hành 2:****1. Vẽ hình vuông ABCD cạnh 4cm:**+* B1: Vẽ đoạn thẳng AB = 4cm+ B2: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại A. Xác định điểm D trên đường thẳng đó sao cho AD = 4cm+ B3: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại B. Xác định điểm C trên đường thẳng đó sao cho BC= 4cm.+ B4: Nối C với D ta được hình vuông ABCD.Ta được **hình vuông ABCD.**( HS tự hoàn thành sp vào vở)*2.Kiểm tra độ dài các cạnh và số đo các góc có bằng nhu không.**3.(HS tự hoàn thành dưới sự hướng dẫn của GV và dán sp vào vở).*  |

**Hoạt động 3: Hình lục giác đều**

1. ***Mục tiêu:***

+ HS mô tả được một số yếu tố cơ bản của hình lục giác đều.

+ HS tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các tam giác đều.

+ HS tìm được các hình lục giác đều có trong thực tế.

***b) Nội dung:*** HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của giáo viên.

***c) Sản phẩm:*** HS nắm vững kiến thức và hoàn thành được phần luyện tập, vận dụng.

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
|  **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** |  **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**GV hướng dẫn và cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động: **HĐ5, HĐ6** như trong SGK.+ **HĐ5:*** *Cắt 6 hình tam giác đều giống nhau và ghép lại hình lục giác đều ( H4.4b)*
* *Kể tên các đỉnh, cạnh, góc của hình lục giác đều ABCDEF.*
* *Các cạnh của hình này có bằng nhau không?*
* *Các góc của hình này có bằng nhau không va bằng bao nhiêu độ?*

+ **HĐ6:*** *Kể tên các đương chéo chính của hình lục giác đều ABCDEF?*
* *So sánh độ dài các đường chéo chính với nhau.*

( GV lưu ý cho HS cách đo góc, đo độ dài cạnh)+ GV cho HS rút ra nx về độ dài các cạnh, các góc và các đường chéo của hình lục giác đều.+ GV cho HS trao đổi, thảo luận nhóm phát biểu, trình bày miệng phần ***Luyện tập.***+ GV gợi ý và yêu cầu HS tim một số hình lục giác đều trong thực tế ***( Vận dụng)***+ GV cho HS trao đổi, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi **?**+ GV tổ chức hoạt động nhóm ( GV minh họa chiếc bánh lục giác bằng tấm bìa hoặc giấy hình lục giác hoặc một chiếc bánh thật) cho các nhóm thực hành cắt và hia theo các ý a) b) c).**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**+ HS quan sát SGK và trả lời theo yêu cầu của GV.+ GV quan sát và trợ giúp HS.**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**+ HS lắng nghe, ghi chú, nêu vd, phát biểu.+ Các nhóm nx, bổ sung cho nhau.**- Bước 4: Kết luận, nhận định**GV nx, đánh giá kết quả của HS, tổng quát lại các đặc điểm của hình lục giác đều, cách vẽ hình lục giác đều và cho HS nêu lại các bước vẽ hình lục giác đều. | **3.Hình lục giác đều.**+ **HĐ5:*** Các đỉnh: A, B, C, D, E, F

 Các cạnh: AB, BC, CD, DE, EF, FA. Các góc:…* Các cạnh của hình bằng nhau
* Các góc của hình bằng nhau và bằng 120

+ **HĐ6:*** Các đường chéo của hình: AD, BE, CF.
* Độ dài các đường chéo của hình bằng nhau.

***\*Nhận xét:*** Hình lục giác đều có:- Sáu cạnh bằng nhau.- Sáu góc bằng nhau, mỗi góc bằng 120- Ba đương chéo chính bằng nhau.***\*Luyện tập:***+ Các tam giác đều ghép thành hình lục giác đều là: tam giác ABO, tam giác BCO, tam giác CDO, tam giác DEO, tam giác EFO, tam giác FAO.+ Trong hình còn có các tam giác đều: ACE, BDF.***\*Vận dụng:***Hình ảnh có dạng hình lục giác đều: tổ ong, gạch lát nền, hộp mứt tết,…**?:**Các cạnh, các góc của hình tam giác đều, hinh vuông, hình lục giác đều đều bằng nhau. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

 ***a) Mục tiêu:*** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

  ***b) Nội dung:*** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT.

 ***c) Sản phẩm:*** Kết quả của HS **.**

 ***d) Tổ chức thực hiện:***

- GV yêu cầu HS hoan thành các bài tập **4.2, 4.3, 4.4**

**-** HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và hoàn thành vào vở.

***Bài 4.2***

Vẽ tam giác đều ABC cạnh 2cm**:**

**+** Bước 1: Vẽ đoạn thẳng AB = 2cm.

+ Bước 2: Dùng êke có góc 60.

+ Bước 3: Vẽ =60

Ta thấy Ax và By cắt nhau tại C

 Ta được tam giác đều ABC cạnh 2cm



***Bài 4.3***

Vẽ hình vuông ABCD cạnh 5 cm**:**

**+** Bước 1: Vẽ đoạn thẳng AB = 5 cm.

+ Bước 2: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại A. Xác định điểm D trên đường thẳng đó sao cho AD = 5cm

+ Bước 3: Vẽ đường thẳng vuông góc với AB tại B. Xác định điểm C trên đường thẳng đó sao cho BC= 5cm.

+ Bước 4: Nối C với D ta được hình vuông ABCD.

Ta được **hình vuông ABCD** cạnh 5 cm**.**

##

***Bài 4.4:*** (HS thực hành cắt ghép tại lớp theo nhóm đôi dưới sự hướng dẫn của GV)

*-GV đánh giá, nx, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a*) Mục tiêu:*** HS thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức.

***b) Nội dung:*** GV hỏi, HS đáp.

***c) Sản phẩm:*** Kết quả của HS.

***d) Tổ chức thực hiện***

**-** GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập **4.1; 4.6; 4.8** (sgk-trang 81)

 - HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận va hoàn thành vào vở.

***Bài 4.1:*** (GV gọi một số HS đứng phát biểu và trình bày tại chỗ)

Một số vật dụng, họa tiết, công trình kiến trúc có hình ảnh tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều là:

+ Tam giác đều: biển báo nguy hiểm, gía đựng sách,…

+ Hình vuông: khuôn bánh trưng, gạch đá hoa, ô cửa sổ,…

+ Hình lục giác đều: tổ ong, hộp mứt, gạch lát nền,…

***Bài 4.6:*** Có nhiều cách khác nhau.

 

***Bài 4.8:*** Vị trí đặt trạm biến áp là giao điểm của các đường chéo chính của hình lục giác đều.

- GV nx, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV cho HS tìm hiểu mục “Em có biết” (nếu còn thời gian).

 **\* Hướng dẫn tự học ở nhà**

- Luyện vẽ tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.

- Hoàn thành bài tập 4.5 vào giấy A4 và nộp vào buổi học sau.

- Luyện cắt tam giác đều theo hướng dẫn của bài 4.7 ( sgk-trg 82)

- Tìm hiểu và đọc trước **“ Bài 19: Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân”.**và sưu tầm đô vật, tranh ảnh về hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân theo tổ. ( Tổ nào sưu tầm được nhiều đồ vật, tranh ảnh nhất sẽ được phần thưởng của GV).

#  IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

 **V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(****Đính kèm các phiếu học tập/bảng điểm*** *)*

#  Ngày soạn: .../... /...

Ngày dạy: .../.../...

 **Tiết 46,47,48 §19.HÌNH CHỮ NHẬT.HÌNH THOI.**

 **HÌNH BÌNH HÀNH.HÌNH THANG CÂN**

**I. Mục tiêu**

**1.Yêu cầu cần đạt:**

**-** Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành và hình thang cân.

**2.Năng lực:**

**-** Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng dụng cụ học tập.

 **3. Phẩm chất:**

Bồi dưỡng trí tưởng tượng, hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:**

**-** Máy chiếu, máy tính, hình ảnh, video thực tế có các hình trong bài học.

**-** Chuẩn bị giấy, dụng cụ cắt ghép một số hình ảnh của bài học.

**-** Giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị một số hoạt động của bài học.

\* Giáo viên cần lưu ý: Không dạy học theo cách tiếp cận nội dung như Hình học phẳng; tạo nhiều tình huống thực tế, sử dụng nhiều hình ảnh, ví dụ thực tế để sử dụng trong bài học.

**2. Chuẩn bị của HS:**

- Chuẩn bị dụng cụ học tập như thước thẳng, compa, thước đo góc, ê ke, bút chì, tẩy, … - Chuẩn bị giấy A4, kéo.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1:Mở đầu(3 phút)**

***a) Mục tiêu:***HS thấy được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân là các hình mà chúng ta thường gặp trong đời sống thực tế và có thể tìm hiểu thêm về chúng. Từ đó HS có thể vẽ, cắt, ghép các hình để làm một số đồ dùng hoặc trang trí nơi học tập của mình.

***b) Nội dung:***Phần mở đầu của bài.

***c) Sản phẩm:*** HS nhận ra các hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang cân trong đời sống thực tế.

***d) Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| - GV đưa ra một số hình ảnh cho HS quan sát và tìm ra các đồ dùng có hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.- GV giới thiệu dẫn vào bài. | - HS chú ý quan sát các bức hình để nhận ra hình dạng của chúng. |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới(30 phút)**

 **1. Hình chữ nhật**

 ***a) Mục tiêu:***

- HS nhận biết được hình chữ nhật, HS mô tả được cạnh, góc, đường chéo của hình chữ nhật.

- HS nhận biết được sự bằng nhau của các góc, các cạnh, đường chéo của hình chữ nhật.

- HS vẽ được hình chữ nhật khi biết độ dài hai cạnh.

***b) Nội dung:***

- Tìm tòi – Khám phá một số yếu tố cơ bản của hình chữ nhật thông qua HĐ1 và HĐ2 trong SGK.

- Nhận xét và Thực hành 1.

 ***c) Sản phẩm***

\* HĐ1: Cánh cửa, ti vi, bức tranh, quyển vở, …

 \* HĐ2:

 - Đỉnh: Đỉnh A, đỉnh B, đỉnh C, đỉnh D.

 - Cạnh: AB, BC, CD, DA.

 - Đường chéo: BD, AC.

 - Hai cạnh đối: BC và AD; AB và DC.

 - Các góc của hình chữ nhật ABCD đều bằng nhau và bằng 900.

 - Hai cạnh đối bằng nhau: BC = AD; AB = DC.

 - Hai đường chéo bằng nhau: BD = AC.

 \* Nhận xét: Trong hình chữ nhật:

 - Bốn góc bằng nhau và bằng 900.

 - Các cạnh đối bằng nhau.

 - Hai đường chéo bằng nhau.

 \* Thực hành 1:

|  |  |
| --- | --- |
| ➊Vẽ hình chữ nhật ABCD có một cạnh bằng 5cm, một cạnh bằng 3cm. |  |

➋Các cạnh đối có bằng nhau: AD = BC; DC = AB.

 Các góc có bằng nhau và bằng 900.

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| - GV yêu cầu HS thực hiện HĐ1, tìm một số hình ảnh của hình chữ nhật trong thực tế. | - Dựa vào phần mở đầu và hiểu biết thực tế để kể ra một số hình ảnh của hình chữ nhật. |
| - GV chiếu hình 4.8a lên máy chiếu và giới thiệu cho HS các đỉnh, góc, cạnh, đường chéo và hai cạnh đối.- Từ đó GV chỉ sang hình 4.8b và yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1 trong SGK, nêu tên đỉnh, cạnh, đường chéo, hai cạnh đối của hình chữ nhật ABCD.- GV hướng dẫn lại cho HS cách đo góc bằng thước đo góc, sau đó mời 1 HS lên bảng đo và ghi lại số đo các góc của hình chữ nhật ABCD để từ đó có thể so sánh được các góc.- GV yêu cầu HS tự đo độ dài hai cạnh đối, hai đường chéo để so sánh. | - HS quan sát ghi nhớ.- HS dựa vào hình 4.8a để trả lời.- HS quan sát.- 1HS lên bảng thực hiện.- Các HS khác đo và ghi vào vở- Rút ra nhận xét về 4 góc của hình chữ nhật.- Dùng thước hoặc compa đo để so sánh. |
| - GV tổng kết lại kết quả của 3 câu trả lời trên và đưa ra nhận xét như SGK.- GV yêu cầu HS nhắc lại nhận xét và ghi lại. | - HS lắng nghe.- Nhắc lại nhận xét và ghi vào vở. |
| - GV chiếu yêu cầu bài thực hành 1 lên máy chiếu để cả lớp quan sát và thực hiện.- Mời 1 bạn lên bảng vẽ và so sánh các cạnh đối, các góc của hình chữ nhật.- Quan sát cả lớp thực hành, hướng dẫn HS nếu HS chưa biết vẽ. | - HS thực hiện vẽ và so sánh.- Làm xong có thể nghĩ và đưa ra cách khác để vẽ hình chữ nhật cho cả lớp tham khảo. |
| - GV chốt lại kiến thức cần nhớ về hình chữ nhật. | - HS lắng nghe, ghi nhớ. |

**2. Hình thoi**

**a) *Mục tiêu:***

- HS nhận biết được hình thoi, tìm các hình ảnh thực tế của hình thoi.

- HS mô tả được cạnh, góc, đường chéo và nhận xét được một số mối quan hệ của cạnh và đường chéo của hình thoi.

- HS vẽ được hình thoi khi biết độ dài một cạnh.

***b) Nội dung hoạt động:***

- Tìm tòi – Khám phá một số yếu tố cơ bản của hình thoi thông qua HĐ3 và HĐ4.

- Nhận xét và thực hành bài  , bài thực hành 2 và Vận dụng.

 ***c) Sản phẩm:***

\*HĐ3:

➊ Trong các đồ vật ở hình 4.9, chiếc nhẫn có dạng hình thoi.

➋ Móc treo quần áo, giá sách có dạng hình thoi.

\*HĐ4:

➊ Các cạnh của hình thoi bằng nhau: AB = BC = CD = DA.

➋ Hai đường chéo của hình thoi vuông góc với nhau: AC và BD vuông góc với nhau.

➌ Các cạnh đối của hình thoi song song với nhau: AB song song với CD, AD song song với BC.

➍ Các góc đối của hình thoi bằng nhau: Góc A bằng góc C, góc B bằng góc D.

\* Nhận xét: Trong một hình thoi:

 - Bốn cạnh bằng nhau.

- Hai đường chéo vuông góc với nhau.

- Các cạnh đối song song với nhau.

- Các góc đối bằng nhau.





\* Thực hành 2:

➊



➋ Các cạnh AB, BC, CD, DA có bằng nhau.

➌ Gấp, cắt theo hướng dẫn để được hình thoi.



\* Vận dụng: HS về nhà trang trí theo mẫu trong SGK.

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| - GV yêu cầu HS thực hiện HĐ3, sau đó đưa thêm một số hình ảnh có dạng hình thoi trong thực tế cho HS quan sát.  | - HS trả lời HĐ3. |
| - GV chiếu hình 4.10a lên và giới thiệu các đỉnh, cạnh, đường chéo, hai góc đối của hình thoi. Sau đó chia lớp thành 2 nhóm, nhóm 1 thực hiện ➊➋ và nhóm 2 thực hiện ➌➍ của HĐ4.- GV có thể hướng dẫn HS phương pháp gấp giấy để thấy các góc đối bằng nhau.- Rút ra nhận xét. | - HS quan sát và thực hiện theo yêu cầu.- Các nhóm báo cáo kết quả.- Quan sát và thực hành.- Lắng nghe, ghi nhớ. |
| - GV treo bảng phụ có kẻ ô vuông và vẽ sẵn hình của bài  và mời 1 HS lên bảng làm. | - HS làm bài  |
| - GV hướng dẫn HS vẽ hình thoi theo các bước trong SGK và yêu cầu HS kiểm tra các cạnh và đưa ra nhận xét.- GV cho HS chơi trò chơi “*Ai nhanh hơn*”: gấp, cắt hình thoi từ giấy đã chuẩn bị, mời 3 HS lên bảng thực hiện cùng GV trước lớp, cả lớp cùng thực hành, 2 bạn nhanh và chính xác nhất sẽ được phần thưởng. | - HS thực hiện vẽ hình và so sánh các cạnh.- HS tham gia trò chơi tích cực. |
| GV củng cố lại kiến thức về hình thoi. | HS lắng nghe, ghi nhớ. |

**3. Hình bình hành.**

**a) *Mục tiêu:***

- HS nhận biết được hình bình hành, tìm các hình ảnh thực tế của hình bình hành.

- HS mô tả được cạnh, góc, đường chéo và nhận xét được một số mối quan hệ của cạnh và đường chéo của hình bình hành.

- HS vẽ được hình bình hành khi biết độ dài 2cạnh kề.

***b) Nội dung hoạt động:***

- Tìm tòi – Khám phá một số yếu tố cơ bản của hình bình hành thông qua HĐ5 và HĐ6.

- Nhận xét và bài thực hành 3.

 ***c) Sản phẩm:***

\*HĐ5:

➊ Trong các đồ vật ở hình 4.11, lan can cầu thang có dạng hình bình hành.

➋Hình ảnh mái nhà, khung hàng rào di động, lưới xếp B40, có dạng hình bình hành.

\*HĐ6:

➊ Các cạnh đối của hình bình hành bằng nhau: AB = CD; BC = DA.

➋OA = OC; OB = OD

➌ Các cạnh đối của hình bình hành song song với nhau: AB song song với CD, AD song song với BC.

➍ Các góc đối của hình bình hành bằng nhau: Góc A bằng góc C, góc B bằng góc D.

\* Nhận xét: Trong một hình bình hành:

 - Các cạnh đối bằng nhau.

- Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

- Các cạnh đối song song với nhau.

- Các góc đối bằng nhau.

\* Thực hành 3:



\* Vận dụng: HS về nhà trang trí theo mẫu trong SGK.

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| - GV yêu cầu HS thực hiện HĐ5, sau đó đưa thêm một số hình ảnh có dạng hình bình hành trong thực tế cho HS quan sát.  | - HS trả lời HĐ5. |
| - GV chiếu hình 4.12a lên và giới thiệu các đỉnh, cạnh,cạnh kề, đường chéo, hai góc đối của hình bình hành. Sau đó chia lớp thành 2 nhóm, nhóm 1 thực hiện ➊➋ và nhóm 2 thực hiện ➌➍ của HĐ6.- Rút ra nhận xét. | - HS quan sát và thực hiện theo yêu cầu.- Các nhóm báo cáo kết quả.- Lắng nghe, ghi nhớ. |
|  |  |
| - GV hướng dẫn HS vẽ hình bình hành theo các bước trong SGK và yêu cầu HS kiểm tra các cạnh và đưa ra nhận xét. | - HS thực hiện vẽ hình và so sánh các cạnh. |
| GV củng cố lại kiến thức về hình bình hành. | HS lắng nghe, ghi nhớ. |

**4. Hình thang cân.**

**a) *Mục tiêu:***

- HS nhận biết được hình thang cân, tìm các hình ảnh thực tế của hình thang cân.

- HS mô tả được đỉnh,cạnh bên, cạnh đáy, góc, góc kề đáy, đường chéo và nhận xét được một số mối quan hệ của cạnh và đường chéo của hình thang cân.

***b) Nội dung hoạt động:***

- Tìm tòi – Khám phá một số yếu tố cơ bản của hình thang cân thông qua HĐ7 và HĐ8.

- Nhận xét, luyện tập và thực hành 4.

 ***c) Sản phẩm:***

\*HĐ7:

- Cái thang có dạng hình thang cân.

\*HĐ8:

➊ Các đỉnh: A, B, C, D

+ Đáy lớn: DC

+ Đáy nhỏ: AB

+ Đường chéo: AC; BD

+ Hai cạnh bên: AD; BC

➋ Hai cạnh bên của hình thang cân bằng nhau: AD = BC. Hai đường chéo của hình thang cân bằng nhau: AC = BD .

➌Hai cạnh đáy của hình thang cân song song với nhau: AB song song với CD

➍ Các góc kề một đáy của hình thang cân bằng nhau: Góc A bằng góc B, góc C bằng góc D.

\* Nhận xét: Trong một hình thang cân:

 - Hai cạnh bên bằng nhau.

- Hai đường chéo bằng nhau.

- Các cạnh đáy song song với nhau.

- Hai góc kề một đáy bằng nhau.

\* Luyện tập

+ Hình thang cân HKIJ

 \* Thực hành 4:

 Gấp, cắt hình thang cân theo theo hướng dẫn các bước trong SGK.

 ***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| - GV yêu cầu HS thực hiện HĐ7, sau đó đưa thêm một số hình ảnh có dạng hình thang cân trong thực tế cho HS quan sát.  | - HS trả lời HĐ7. |
| - GV chiếu hình 4.13a lên và giới thiệu các đỉnh,đáy lớn, đáy nhỏ, đường chéo, cạnh bên của hình thang cân. Sau đó chia lớp thành 2 nhóm, nhóm 1 thực hiện ➊➋ và nhóm 2 thực hiện ➌➍ của HĐ4.- Rút ra nhận xét. | - HS quan sát và thực hiện theo yêu cầu.- Các nhóm báo cáo kết quả.- Lắng nghe, ghi nhớ. |
| - GV chiếu hình trong phần luyện tập và cho HS trả lời. | - HS trả lời |
| - GV cho HS chơi trò chơi “*Ai nhanh hơn*”: gấp, cắt hình thang cân từ giấy đã chuẩn bị theo các bước hướng dẫn của SGK, mời 3 HS lên bảng thực hiện cùng GV trước lớp, cả lớp cùng thực hành, 2 bạn nhanh và chính xác nhất sẽ được phần thưởng. | - HS thực hiện vẽ hình và so sánh các cạnh.- HS tham gia trò chơi tích cực. |
| GV củng cố lại kiến thức về hình thang cân. | HS lắng nghe, ghi nhớ. |

**Hoạt động 3: Luyện tập( phút)**

**a*) Mục tiêu:***Củng cố lại một số yếu tố cơ bản của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.

 ***b) Nội dung:*** Bài 4.9, 4.10; 4.11; 4.12

***c) Sản phẩm:***

Bài 4.9.



Bài 4.10.



***Bài 4.11***

******

***Bài 4.12***

Các hình thang cân: ABCD; BCDE; CDEF; DEFA; EFAB; FABC

Các hình chữ nhật: BCEF; ABDE; CDFA;

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| GV mời 2 HS lên bảng thực hiện bài 4.9 và 4.10 mỗi bạn 1 bài.GV mời 2 HS lên bảng thực hiện bài 4.11 và 4.12 mỗi bạn 1 bài. | HS vẽ hình vào vở, 2 bạn lên bảng vẽ.HS vẽ hình vào vở, 2 bạn lên bảng vẽ. |

**Hoạt động 4: Vận dụng( phút)**

**a*) Mục tiêu:***Củng cố các kiến thức về hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.

***b) Nội dung:***Bài 4.14; 4.15

***c) Sản phẩm:***HS thực hành để cắt, ghép từ hình thoi thành hình chữ nhật, hình thang cân.

 ***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| GV yêu cầu HS sử dụng giấy hình thoi đã được cắt ghép từ mục 2 để thực hiện bài 4.14, cắt, ghép để trở thành hình chữ nhậtGV yêu cầu HS sử dụng giấy hình thang cân đã được cắt ghép từ mục 2 để thực hiện bài 4.15, cắt, ghép để trở thành mặt bàn. | HS đọc kĩ đề bài và làm theo hướng dẫn. |

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà(2 phút)**

- Ôn tập lại các kiến thức về hình chữ nhật, hình thoi. Hình bình hành, hình thang cân.

- Làm bài 4.8; 4.10; 4.11 (SBT – trang 68), bài 4.13 ( SGK – 89)

- Đọc trước bài mới.

#

Ngày soạn: .../... /...

Ngày dạy: .../.../...

 **Tiết 49,50,51 §20.CHU VI VÀ DIỆN TÍCH CỦA MỘT SỐ TỨ GIÁC**

1. **MỤC TIÊU**
2. Yêu cầu cần đạt:
* Hiểu cách tính chu vi, diện tích của một số tứ giác.
* Nhớ được công thức tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học
1. Năng lực:
* Vận dụng được các công thức tính chu vi, diện tích của một số tứ giác vào một số bài tập đơn giản.
* Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học
1. Phẩm chất:
* Bồi dưỡng trí tưởng tượng, hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh
1. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**
2. Chuẩn bị của GV:
* Kiến thức ở cấp Tiểu học liên quan đến bài dạy, sưu tầm những bài toán thực tế gắn liền với việc tính chu vi, diện tích ở mức độ đơn giản.
* Máy chiếu để chiếu các hình đơn giản, dễ nhận biết công thức. (nếu có)
1. Chuẩn bị của HS:
* Ôn tập lại một số công thức về tính chu vi, diện tích của một số hình đã học ở Tiểu học.
1. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu** (6 phút)

**a. Mục tiêu:**

Tạo hứng thú mở đầu cho bài học về diện tích, chu vi của một số hình trong thực tế **b. Nội dung:**

Học sinh quan sát hình ảnh trên màn chiếu và làm bài tập.

Bài tập: ‘ Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài là 15m, chiều rộng là 10m như hình dưới. Tính chu vi và diện tích của khu vườn đó?’****

**c. Sản phẩm:**

Giúp học sinh nhớ lại kiến thức về công thức tính chu vi và diện tích của hình chữ nhật. Đồng thời nhớ lại hộp kiến thức về công thức tính chu vi và diện tích của hình vuông và hình thang cân.



**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**Gv cho học sinh quan sát hình vẽ của khu vườn hình chữ nhật trên máy chiếu (nếu có) hoặc vẽ hình trực tiếp.-Yêu cầu đọc và nhắc lại về công thức tính chu vi và diện tích hình chữ nhật.-Bài toán cho biết gì? Yêu cầu gì?**Bước 2: Thực hiên nhiệm vụ** C:\Users\DELL\Desktop\screenshot_1624858428.png**Bước 3: Báo cáo và thảo luận**Gv gọi 1 em lên bảng làm rồi gọi em khác nhận xét**Bước 4: Kết luận và nhận định**Gv nhận xét, đánh giá câu trả lời của Hs vàchốt lại 1 phần kiến thức(*công thức tính chu vi diện tích của hình chữ nhật)* | Học sinh chú ý quan sát, lắng nghe và trả lời câu hỏi.1 em lên bảng làm, em khác đứng tại chỗ nhận xét.Trình bày vào vở bài tập trên |
| *Gv dẫn dắt vào bài:* ‘Trong nông nghiệp, xây dựng người ta cần sử dụng kiến thức về chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình vuông, hình thang cân.... để tính toán vật liệu cho các công việc như lát nền nhà, sơn tường, căng lưới che nắng cho rau hay làm hàng rào bao quanh khu vườn....’ |

**TIẾT 1**

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (36 phút)**

***1, Chu vi, diện tích của hình vuông, hình chữ nhật và hình thang cân***

**a. Mục tiêu:**

HS được nhắc lại công thức tính chu vi, diện tích của hình vuông, hình chữ nhật và hành thang cân.

Hs vận dụng các công thức tính chu vi, diện tích của hình vuông, hình chữ nhật và hành thang cân để giải quyết các bài toán thực tế.

**b. Nội dung:**

\* *Hộp kiến thức (nhắc lại công thức tính chu vi, diện tích của hình vuông, hình chữ nhật và hành thang cân).*

\* *Hoạt động ví dụ (ví dụ 1, ví dụ 2)*

*\* Hoạt động luyện tập, vận dụng (Luyện tập 1).*

*\* Thử thách nhỏ cho học sinh*

**c. Sản phẩm:**

\* *Hộp kiến thức:*

Chu vi của hình vuông là: **C = 4.a**

Diện tích hình vuông là: **S = a2**

(với a là độ dài một cạnh của hình vuông).

Chu vi của hình chữ nhật là: **C = 2. (a + b)**

Diện tích hình chữ nhật là**: S = ab**

(với a, b là độ dài hai canh cạnh của hình chữ nhật).

 Diện tích của hình thang cân là: 

(trong đó: a, b là độ dài hai đáy của hình thang cân

 h là chiều cao của hình thang cân)

\* *Các ví dụ (ví dụ 1, ví dụ 2):*

Thông qua ví dụ 1, ví dụ 2, học sinh ôn tập lại công thức tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông

*\* Luyện tập, cùng cố (Luyện tập 1)*

(1): Chu vi một khung thép là: (35 + 30).2 = 130(m)

Nếu dùng 260m = 26000 cm dây thép thì sẽ làm được số khung thép :
   26000 : 130 = 200 (khung)

(2): Chu vi mặt bàn là:    600 + 1200 + 600.2 = 3000 (mm)
   Chiều dài 4 chân bàn là:    730.4 = 2920 (mm)
    Vậy để làm một chiếc khung bàn cần lượng thép: 3000 + 2920 = 5920 (mm) = 5,92 (m)

(3): Diện tích thửa ruộng là: 

Vì mỗi mét vuông thu hoạch được 0.8kg thóc→Thửa ruộng đó thu được:

1150⋅0.8=920(kg)

*\* Thử thách nhỏ:*

 Giáo viên tổ chức dạy học để tăng hứng thú, tạo cơ hội cho học sinh tham gia thử thách, phát triển tư duy.

Gợi ý: Chu vi của hình thang là: 7.2 + 15 + 25 = 54(cm)

Phần làm móc còn lại là:60 – 54 =6(cm)

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của Hs** |
| *\* Hộp kiến thức. (7 phút)*- Gv cho Hs quan sát hình bình hành, hình thoi và yêu cầu Hs nhắc lại công thức tính chu vi của hình vuông, hình chữ nhật và hành thang cân.C:\Users\DELL\Desktop\3.pngC:\Users\DELL\Desktop\4.pngC:\Users\DELL\Desktop\5.png- Gv nhận xét, đánh giá câu trả lời của Hs vàchốt lại kiến thức(*công thức tính chu vi của* hình vuông, hình chữ nhật và hành thang cân.)*.* | -Hs quan sát hình, nhớ lại kiến thức, trả lời câu hỏi.- Hs theo dõi, ghi bài. |
| *\*Hoạt độngví dụ. ( 10 phút)* - Ví dụ1: Gv yêu cầu Hs trả lời tại chỗ.- Gv nhận xét, đánh giá câu trả lời của Hs.- Ví dụ2: + Gv gọi Hs đọc đề. + Gv phân tích, dẫn dắt Hs các bước thực hiện và cho Hs tự tìm hiểu lời giải ở sgk.+ Gv chốt lại. | - Hs trả lời ví dụ1.- Hs theo dõi.- Hs đọc ví dụ2.- Theo dõi, tìm hiểu ví dụ theo sự dẫn dắt của giáo viên. |
| *\* Luyện tập, củng cố: (22 phút)* *- Luyện tập 1:* - (1): + Gv gọi Hs đọc đề (có thể chiếu bài tập trên bảng chiếu)+ Gv phân tích, dẫn dắt hướng dẫn thực hiện và cho Hs tự tìm hiểu cách làm.+ Gv chốt lại.- (2): + Gv gọi Hs đọc đề. + Gv phân tích, dẫn dắt hướng dẫn thực hiện và cho Hs tự tìm hiểu cách làm.+ Gv chốt lại. (3). Thử thách nhỏ+ GV chia nhóm cho hs tự hoạt động+ Các thành viên trong nhóm đọc, nghiên cứu và tự thảo luận để đưa ra kết quả.+ GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả và gọi nhóm khác nhận xét.+ Gv nhận xét chung và chốt lại kiến thức cũng như cách làm của bài | Hs đọc (1).- Theo dõi, tìm hiểu ví dụ theo sự dẫn dắt của giáo viên.- Hs theo dõi, ghi bài:Chu vi một khung thép là: (35 + 30).2 = 130(m)Nếu dùng 260m = 26000 cm dây thép thì sẽ làm được số khung thép :   26000 : 130 = 200 (khung)Hs đọc (2).- Theo dõi, tìm hiểu ví dụ theo sự dẫn dắt của giáo viên.- Hs theo dõi, ghi bài:Chu vi mặt bàn là:    600 + 1200 + 600.2 = 3000 (mm)Chiều dài 4 chân bàn là:730.4 = 2920 (mm)    Vậy để làm một chiếc khung bàn cần lượng thép: 3000 + 2920 = 5920 (mm) = 5,92 (m)Thực hiện theo từng nhóm Thảo luận để đưa ra cách là đúng nhất và ra kết quả nhanh nhấtĐứng tại chỗ nhận xétLắng nghe lời nhận xét và ghi lại bài làm đúng nhất vào vở.Bài làm:Gợi ý: Chu vi của hình thang là: 7.2 + 15 + 25 = 54(cm)Phần làm móc còn lại là:60 – 54 =6(cm) |
| C:\Users\DELL\Desktop\7.png |

**Họa động 3. Hướng dẫn học ở nhà: (2 phút)**

- Học thuộc các công thức tính chu vi, diện tích của hình vuông, hình chữ nhật và hình thang cân.

- Bài tập về nhà:

 Sách giáo khoa: 4.16, 4.17, 4.18 (trang 100)

 Sách bài tập: 4.20, 4.21, 4.22 (trang 72)

- Đọc trước phần 2: Chu vi, diện tích của hình bình hành và hình thoi.

#  IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

 **V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(****Đính kèm các phiếu học tập/bảng điểm*** *)*

#

Ngày soạn: .../... /...

Ngày dạy: .../.../...

 **Tiết 52,53 LUYỆN TẬP CHUNG**

**I.MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học.

- Nắm vững công thức tích chu vi, diện tích các tứ giác đã học.

**2. Năng lực**

- **Năng lực riêng:**

**+** Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật.

+Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang.

- **Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

**-** Bồi dưỡng trí tưởng tượng, hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV:** SGK, tài liệu giảng dạy.

**2. HS:** Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập cá nhân, SGK, làm đủ BTVN mà GV đã giao.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

***a) Mục tiêu:***GV tổ chức hoạt động nhằm tái hiện công thức chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.

***b) Nội dung:***HS nhớ lại kiến thức và trả lời câu hỏi của GV.

***c) Sản phẩm:***HS trình bày được nội dung kiến thức đã học.

***d) Tổ chức thực hiện:***

 - **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV dẫn dắt, đặt câu hỏi kiểm tra kiến thức cũ:

* Nêu công thức tính chu vi hình vuông, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thang, hình thoi.
* Nêu công thức tính diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình thang, hình bình hành, hình thoi.

+ GV giao một bài toán (chiếu slide):

“Có một tấm bìa hình chữ nhật với chiều dài 15cm, chiểu rộng 10cm, cắt đi mỗi góc của tấm bìa một hình vuông cạnh 2cm. Tính chu vi phần còn lại của tấm bìa?”

-**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nhớ lại kiến thức, suy nghĩ và trả lời.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Đối với mỗi câu hỏi, 1 HS đứng tại chỗ trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

+ Đối với bài tập, GV cho HS 2p làm nháp, 1 HS lên bảng trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.

+ GV quan sát, kiểm tra, bao quát HS.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS luyện tập làm các bài tập.

**B.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

***a) Mục tiêu:***HS củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

***b) Nội dung:***HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT.

***c) Sản phẩm:***Kết quả của HS

***d) Tổ chức thực hiện:***

**-** *GV yêu cầu HS chữa các bài tập* **4.24***;* **4.25**SGK/96.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án.*

**Bài 4.24:**

a) Diện tích hình thoi MPNQ là:

 (m2)

b) Chu vi hình thoi MPNQ là:

 (m)

**Bài 4.25:**

Chiều dài cạnh còn lại của mảnh giấy hình chữ nhật là:

 (cm)

Chu vi của mảnh giấy là:

(cm)

**D.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a) Mục tiêu:***Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để khắc sâu kiến thức.

***b) Nội dung:*** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

***c) Sản phẩm:*** Kết quả của HS.

***d) Tổ chức thực hiện:***

*- GV cho HS tìm hiểu* ***Ví dụ 1, Ví dụ 2,*** *hướng dẫn HS giải và lên trình bày.*

*- GV yêu cầu HS chữ bài tập vận dụng ;* ***Bài 4.26 ; 4.27b*** SGK/96.

**Bài 4.26:**

Phần còn lại để trồng trọt là hình vuông có cạnh:

 (m)

Diện tích trồng trọt của mảnh vườn là:

 (m2)

**Bài 4.27:**

Chiều rộng của mảnh vườn là:

 (m)

Nhìn vào hình vẽ, ta thấy diện tích đất trồng cây là 4 mảnh đất hình chữ nhật nhỏ có kích thước như nhau.

Chiều dài của các mảnh đất đó là:

(m)

Chiều rộng của các mảnh đất đó là:

 (m)

Vậy diện tích đất để trồng cây là:

 (m2)

*- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**\* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ**

**1.Nhiệm vụ cá nhân**

**-** Học thuộc kĩ lại các công thức tính chu vi, diện tích các hình.

- Xem trước các bài tập **Ôn tập chương IV.**

- Làm trước các bài tập **4.30**; **4.31**; **4.32**; **4.33**; **4.35**.

**2. Nhiệm vụ theo tổ**

**-** Thiết kế sơ đồ tư duy theo sáng tạo riêng của mỗi nhóm để tổng hợp kiến thức từ Bài 18-> Bài 20 (GV hướng dẫn 4 nhóm các nội duNg lớn cần hoàn thành) trình bày ra giấy A0 hoặc A1 và báo cáo vào buổi học sau.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp****đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| **-** Đánh giá thường xuyên:+ Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.+ Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.+ Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể). | **-**Phương pháp quan sát:+ GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học (ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..)+ GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | **-** Báo cáo thực hiện công việc.**-** Hệ thống câu hỏi và bài tập**-** Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

#  IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

 **V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(****Đính kèm các phiếu học tập/bảng điểm*** *)*

 **LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

-Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học

- Nắm vững công thức tính chu vi diện tích các tứ giác đã học.

**2. Năng lực**

- Năng lực riêng:

+ Vậy thành thạo tam giác đều, hình vuông,  hình chữ nhật.

+ Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi diện tích của hình chữ nhật, hình thoi hình bình hành, hình thang.

- Năng lực chung: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp tốt học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực tư duy sáng tạo; nhân lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất: bồi dưỡng trí tưởng tượng, hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh để để học sinh độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên**: sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy.

**2. Học sinh**: chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập cá nhân, sách giáo khoa, làm đầy đủ bài tập về nhà mà giáo viên đã giao.

**III.Tiến trình dạy học**

**A. Hoạt động khởi động ( mở đầu) (tiết 1)**

**a) Mục tiêu:**

+ Giáo viên tổ chức hoạt động nhằm tái hiện công thức tính chu vi, diện tích một số tứ giác đã học.

**b)  Nội dung**: Học sinh nhớ lại kiến thức và trả lời câu hỏi của giáo viên.

**c) Sản phẩm:**Học sinh Trình bày được nội dung kiến thức đã học.

**d) Tổ chức thực hiện**:

- **Bước 1**: chuyển giao nhiệm vụ

+ Giáo viên  dẫn dắt, đặt câu hỏi kiểm tra kiến thức cũ:

\* Công thức tính chu vi hình vuông, hình bình hành, hình thoi?

\* Công thức thức tính diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình thang, hình bình hành, hình thoi?

+ Giáo viên cho một bài toán:

“ Cô có một tấm bìa hình chữ nhật chiều rộng 15 cm, chiều dài 20 cm, cô cắt mỗi góc của tấm bìa một hình vuông cạnh 2 cm. Tính chu vi hình còn lại của tấm bìa.”

**- Bước 2**: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh nhớ lại kiến thức suy nghĩ và trả lời.

**- Bước 3:** báo cáo, thảo luận:

+Đối với mỗi câu hỏi, một học sinh đứng tại chỗ trình bày  câu trả lời, các học sinh khác nhận xét bổ sung.

+ Đối với bài tập, giáo viên cho học sinh 2 phút  làm nháp, một học sinh lên bảng trình bày, hoặc trình bày miệng tại chỗ.

+Giáo viên: quan sát, kiểm tra, bao quát học sinh.

**- Bước 4:** Kết luận, nhận định: giáo viên đánh giá kết quả của học sinh, trên cơ sở đó  dẫn dắt học sinh luyện tập làm các bài tập.

**B.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**  Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b. Nội dung:**Học sinh dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm bài tập

**c. Sản phẩm**: Kết quả của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**:

- Giáo viên yêu cầu học sinh làm các bài tập: bài 4.23; 4.24; 4.25

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận, đưa ra đáp án.

**Bài 4.23:**

**Bài 4.24:**

1. Diện tích hình thoi MNPQ  là:  8.6=48( m2)
2. Chu vi hình thoi MNPQ: 4.5=20cm

**Bài 4.25**:  Chiều dài cạnh còn lại của mảnh giấy hình chữ nhật là:
 96:12=8 (cm)

    Chu vi của mảnh giấy là
 2.(8+12)=40cm

**D.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( tiết 2)**

**a. Mục tiêu:**Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để khắc sâu kiến thức

**b. Nội dung**:  Học sinh sử dụng sách giáo khoa và và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c. Sản phẩm**: Kết quả của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

-Giáo viên cho học sinh tìm hiểu ví dụ 1, ví dụ 2, hướng dẫn học sinh giải và lên bảng trình bày.

- Giáo viên yêu cầu học sinh chữa các bài tập vận dụng: bài 4.26; 4.27 (SGK-tr90)

 **Bài 4.26**

 Phần còn lại để trồng trọt là hình vuông có cạnh:  20 -2 - 2 = 16 m

 Diện tích trồng trọt của mảnh vườn là: 16 x 16 = 256 mét vuông

**Bài 4.27**

Chiều rộng của mảnh vườn là: 25.⅗ =15 (m)

Nhìn vào hình vẽ ta thấy diện tích đất trồng cây là 4 mảnh đất hình chữ nhật nhỏ nhỏ có kích thước như nhau.

Chiều dài của các mảnh đất đó là: (25-1):2=12 (m)

Chiều rộng của các mảnh đất đó là: (15-1):2=7 (m)

Vậy diện tích đất để trồng cây là: 4.7.12=336(m2)

-Giáo viên nhận xét, đánh giá  và chuẩn kiến thức.

**IV KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ |  PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ |  CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ  |
| -Đánh giá thường xuyên:+ Sự tích cực chủ động của học sinh trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.+ Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của học sinh khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.+ Thực hiện các nhiệm vụ  hợp tác nhóm. | - Phương pháp quan sát:+ Giáo viên quan sát qua quá trình học tập, chuẩn bị bài thôn gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với giáo viên, với các bạn,...)+ Giáo viên quan sát hành động, thái độ bộ, cảm xúc của học sinh | - Báo cáo thực hiện công việc-  Hệ thống câu hỏi và bài tập- Trao đổi, I thảo luận |

**V.Hướng dẫn về nhà:**

**1. Nhiệm vụ cá nhân**

-Học thuộc tỷ lại các công thức tính chu vi, diện tích các hình.

- Xem trước các bài tập ôn tập chương IV.

- Làm trước các bài tập**:4.30; 4.31; 4.32; 4.33; 4.35**

**2.Nhiệm vụ theo Tổ**

- Thiết kế sơ đồ tư duy theo sáng tạo riêng của mỗi nhóm để tổng hợp kiến thức từ bài 18 -> bài 20 ( Giáo viên hướng dẫn các nhóm các nội dung lớn cần hoàn thành) trình bày ra giấy A0 hoặc A1 và báo cáo vào  buổi học sau.

Ngày soạn: .../... /...

Ngày dạy: .../.../...

 **Tiết 54 BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG IV**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Củng cố và rèn luyện cho HS kỹ năng mô tả các yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật, hình lục giác đều, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. Hiểu và nhớ cách tính chu vi, diện tích của một số tứ giác

**2. Kĩ năng:**

- Củng cố kĩ năng vẽ hình tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng dụng cụ học tập; tạo được hình lục giác đều bằng cách lắp ghép các hình tam giác đều. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắng với việc tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.

- Học sinh thông qua hoạt động nhóm, hình thành năng lực hợp tác, giao tiếp toán học.

- Từ các ví dụ, bài tập liên quan đến các vấn đề thực tế, qua đó hình thành năng lực giải quyết vấn đề và năng lực mô hình hóa toán học.

**3. Phẩm chất:**

- Bồi dưỡng trí tưởng tượng, hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho học sinh..

- Thông qua hoạt động nhóm hình thành phẩm chất trách nhiệm, trung thực.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ (hoặc slide trình chiếu) ghi các nội dung bài tập, MTCT. Giáo án, bài giảng, thước kẻ, êke

2. Học sinh: SGK, vở ghi, đồ dùng học tập, MTCT.

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (10 phút)**

**a. Mục tiêu***:* Hs củng cố, rèn luyện các kiến thức đã học về một số hình học phẳng trong thực tiễn và cách tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.

**b. Nội dung:** Gv yêu cầu Hs nhắc lại các kiến thức đã học về một số hình phẳng trong thực tiễn:

a) Nêu một số yếu tố cơ bản của hình phẳng được học trong chương IV.

b) Nêu các công thức tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.

**c. Sản phẩm:** Kết quả các hoạt động của HS

***d) Tổ chức thực hiện:***

 **Hoạt động 2: Luyện tập(20 phút)**

**a. Mục tiêu:** Rèn luyện cho Hs việc kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học: nhận biết tam giác đều; tứ giác là hình vuông, hình chữ nhật, hình thang, hình thanh cân, hình bình hành, hình thoi. Tính chu vi, diện tích của các hình phẳng đã học.

**b. Nội dung:** Hs thực hiện bài tập sau:

Bài 4.28 (sgk)

Bài 4.29 (sgk)

Bài 4.30 (sgk)

Bài 4. 31 (sgk)

**c. Sản phẩm:** Kết quả của hoạt động của HS

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
|  **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** |  **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| ***Bài 4.28; 4.29:*****- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài tập 4.28; 4.29.**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS quan sát và chú ý lắng nghe, - HS hoạt động cá nhân làm bài tập 4.28; 4.29.**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận** GV gọi 2 HS lên bảng trả lời và chỉ rõ các hình có trong hình vẽ. HS lên bảng thực hiện.HS nhận xét bài làm của bạn.GV gọi HS nhận xét kết quả.**- Bước 4: Kết luận, nhận định**GV nhận xét, đánh giá bài làm của HS.***Bài 4.30; 4.31:*****- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV cho HS hoạt động cặp đôi làm bài 4.30; 4.31 (nữa lớp làm bài 4.30; nữa lớp làm bài 4.31)**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS quan sát và chú ý lắng nghe,  HS hoạt động cặp đôi làm bài tập 4.30; 4.31**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận** HS lên bảng thực hiện. GV gọi HS nhận xét kết quả.HS nhận xét bài làm của bạn.**- Bước 4: Kết luận, nhận định**GV nhận xét, đánh giá bài làm của HS. | Bài 4.28: Tronghình bên có 5hình vuôngTrong hình bên có 4 hình chữ nhậtBài 4.29: Tronghình bên có 5hình tam giác đềuTrong hình bên có 3 hình thang cânTrong hình bên có 3 hình thoi5cm600600 x yBài 4.30: a) Vẽ hình tamgiác đều có cạnhbảng 5cmb) Vẽ hình vuông có cạnh bằng 6cm 6cm6cm6cm6cm6cm6cm c) Vẽ hình chữ nhật có chiều dài 4cm, chiều rộng 3cm4cm3cm3cmBài 4.31: a) Vẽ hình bình hành có một cạnh dài 4cm, một cạnh dài 3cm4cm3cm3cm3cmb) Vẽ hình thoi có cạnh bằng 3cm |

 **Hoạt động 3: Vận dụng(5 phút)**

**a. Mục tiêu:** HS thấy được tính ứng dụng của toán học trong việc giải quyết các vấn đề thực tế.

**b. Nội dung:** HS thực hiện các bài tập sau:

***d) Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
|  **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** |  **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| ***Bài 4.34 (sgk):*** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**+ GV gọi Hs đọc đề.? Để tính diện tích của mảnh vườn thì ta phải làm thế nào? (có thể vẽ thành 1 hình chữ nhật hoặc có thể chia nhỏ thành nhiều hình chữ nhật,…)+ Cho HS hoạt động nhóm làm bài vảo bảng nhóm (phiếu học tập) **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS đọc đề, quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**Gọi 2 nhóm HS trình bày bài làm trên bảng.2 nhóm trình bày bài làm trên bảng. GV gọi HS nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS. HS khác nhận xét, bổ sung.**- Bước 4: Kết luận, nhận định**GV gọi HS nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS và GV nhận xét, chốt vấn đề.***Bài 4.36 (sgk):*** **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**+ GV gọi HS đọc đề.- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi theo bàn làm bài tập.**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS đọc đề, quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.GV kiểm tra bài làm của một số HS và yêu cầu 1 HS lên bảng thực hiện.**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**Gọi 2 nhóm HS trình bày bài làm trên bảng.2 nhóm trình bày bài làm trên bảng. GV gọi HS nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS. HS khác nhận xét, bổ sung.**- Bước 4: Kết luận, nhận định**GV gọi HS nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS và GV nhận xét, chốt vấn đề. | **Bài 4.34 (sgk):** - HS hoạt động nhóm có thể vẽ hình theo cách sau:- Có thể vẽ thành hình chữ nhật có chiều dài 13m, chiều rộng 7m thì diện tích là S1 = 13 . 7 = 91(m2)S2 = 6 . 3 = 18 (m2);  S32m2m5m7m3m6m  S2S3 = 22 = 4 (m2).Vậy diện tích mảnh vườn là S = S3 – (S1 + S2) = 91 – (18 + 4)  = 69 (m2).- Hoặc có thể trình bày theo cách chia hình thành ba hình chữ nhật rồi giải theo cách sau: 2m2m5m7m3m6m2m2m5m7m3m6m S1 S2 S3S1 = 6(7 – 3) = 24 (m2) S2 = 7(7 – 2) = 35 (m2) S3 = 5 . 2 = 10 (m2) Vậy diện tích mảnh vườn S = S1 + S2 + S3 = 24 + 35 + 10 = 69 (m2)**Bài 4.36 (sgk)**Vì hiên nhà có dạng hình thang nên diện tích là S = (54 + 72).45 = 2835 (dm2)Chi phí của cả hiên sẽ là: (2835 : 9) . 103000 = 32445000 (đồng) |

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà(2 phút)**

- Ôn tập, ghi nhớ các yếu tố cơ bản và các công thức tính chu vi, diện tích của các hình phẳng đã học.

- Xem và làm lại các bài tập đã giải.

- Làm bài tập 4.32; 4.33; 4.35/sgk trang 97.

- Chuẩn bị bài 21: Hình có trục đối xứng.

 + Đọc trước nội dung bài học.

 + Hình như thế nào là hình có trục đối xứng?

+ Xác định trục đối xứng của hình tròn, hình thoi, hình chữ nhật?

# IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(****Đính kèm các phiếu học tập/bảng điểm****)*